

Bản án số: 426/2024/DS-PT

Ngày: 17 - 6 - 2024

V/v: “Tranh chấp về thừa kế, tranh chấp
quyền sở hữu nhà ở, đất ở và tranh chấp
chia tài sản chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Từ

Ông Mai Xuân Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý
số: 705/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa
kế, tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, đất ở và tranh chấp chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 1399/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm
2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 268/2024/QĐ-PT
ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Hiến V, sinh năm 1953;

Cư trú: 03 Avenue de T G.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Nguyễn Quốc C,
sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số D N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Phan Hữu Tấn Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E Trương Ông P, sinh năm Đ1, phường V, Quận C, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Lầu D, số I N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hồng P – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Phan Thị L, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C C, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà L:

- Ông Đỗ Quang Anh T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số G C, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Quang Anh D, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số C C, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Số B K, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1940 (vắng mặt);

3/Bà Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/Bà Nguyễn Hồng V1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: F Rue Saint C V, F.

5/Ủy ban N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Trụ sở: 99 T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/Bà Phạm Hữu D1, sinh năm 1931, chết năm 2013.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D1: Ông Phan Hữu Tấn Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/Bà Lương Thị Tuyết T2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T2: Ông Nguyễn Huỳnh H1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E T, Phường D, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

8/Trẻ Phan Hữu Minh K, sinh năm 2010.

Địa chỉ: Số E T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của trẻ K:

- Ông Phan Hữu Tấn Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt)

- Bà Lương Thị Tuyết T2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số E T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

9/Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết kế và Xây dựng W (vắng mặt).

Trụ sở: E T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phan Hiến V (có ông Lê Nguyễn Quốc C là đại diện theo ủy quyền); Bị đơn ông Phan Tấn Đ2.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/12/2015 của nguyên đơn ông Phan Hiến V, tại bản tường trình ngày 20/12/2015, tại biên bản hòa giải, bản tường trình nộp bổ sung của ông Lê Nguyễn Quốc C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cha và mẹ của ông Phan Hiến V là ông Phan Văn M và bà Trần Thị C1 có với nhau 03 người con chung gồm các ông, bà: Phan Thị H2, sinh năm 1941, Phan Thị L, sinh năm 1943 và Phan Hiến V, sinh năm 1955. Quá trình sống chung, ông bà có tạo lập được căn nhà, phần đất tọa lạc tại số E T, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến năm 1958, bà Trần Thị C1 qua đời, năm 1960 ông Phan Văn M lập gia đình mới với bà Phạm Hữu D1 tiếp tục chung sống trong căn nhà trên và có với nhau một người con chung là ông Phan Hữu Tấn Đ, sinh năm 1961.

Khi còn sống, cha của nguyên đơn đã nhiều lần lập di chúc phân chia thừa kế đối với phần tài sản của mình. Tại bản di chúc viết tay lập ngày 30/8/1993, ông Phan Văn M nhìn nhận căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ trên thuộc quyền sở hữu của ông M cùng bà C1. Tại thời điểm này do căn nhà số E T bị xuống cấp, dột nát nên bà D1 có dùng tài sản cá nhân cùng ông M sửa sang, xây mới lại căn nhà để gia đình cùng sử dụng.

Đến ngày 25/6/2008, ông M cùng bà D1 lập hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sở hữu của ông bà trong căn nhà trên cho con chung là Phan Hữu Tấn Đ. Việc tặng cho tài sản này từ cha từ mẹ kế, nguyên đơn không có ý kiến gì. Riêng đối với phần nhận thừa kế quyền lợi từ mẹ ruột là bà Trần Thị C1, nguyên đơn ông Phan Hiến V yêu cầu được chia 1/8 giá trị quyền sử dụng đất, phần di sản

của mẹ trong căn nhà như bà H2, bà L đã được chia, giá trị tài sản có tranh chấp tại thời điểm khởi kiện là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Trình bày ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Nguyễn Quốc C có lời khai như sau: Khi khai nhận di sản để hưởng thừa kế của bà C1, người chịu trách nhiệm chính kê khai di sản là ông Phan Văn M đã thực hiện việc kê khai người được nhận di sản thừa kế không đầy đủ, không đề cập đến ông Phan Hiến V trong danh sách những người được hưởng di sản thừa kế của bà C1, việc làm trên không được sự giám sát của chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì lý do này, nguyên đơn khởi kiện đặt ra các yêu cầu sau: Nếu việc kê khai di sản không đúng luật, không đầy đủ, bỏ sót diện được hưởng di sản thì không công nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân Quận C2 cấp cho ông Phan Hữu Tấn Đ, bà Phan Thị L, bà Phan Thị H2, hồ sơ gốc số 3482 ngày 01/9/2008. Giải quyết cho nguyên đơn được nhận 1/8 giá trị quyền sử dụng đất tại số E T (phần di sản của bà Trần Thị C1 trong căn nhà) như hai người chị là bà H2, bà L đã được nhận. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, giá trị tài sản được quy đổi thành tiền là 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng, yêu cầu được nhận ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong đơn yêu cầu phản tố lập ngày 24/01/2019, tại các bản khai, bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ trình bày:

Căn nhà số E T, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do cha ông cùng mẹ trước là bà Trần Thị C1 tạo dựng từ năm 1955. Đến năm 1958 bà C1 qua đời, hai năm sau cha ông cùng mẹ ông là Phạm Hữu D1 kết hôn với nhau, năm 1961 thì ông ra đời. Về nguồn gốc căn nhà có tranh chấp, theo trình bày của bị đơn thì giai đoạn tạo lập từ trước năm 1960 đến khi cha mẹ ông đăng ký quyền sở hữu đối với căn nhà thì ông còn nhỏ nên không hay biết. Vào năm 1976, ông M có lập di chúc viết tay xác định căn nhà số E T, Phường F, Quận C thuộc quyền sở hữu của ông cùng hai người chị là con của mẹ trước. Lúc này có sự chứng kiến của ông M cùng hai người chị (con của mẹ trước) là bà H2, bà L đã thỏa thuận tặng cho ông phần được hưởng sở hữu trong căn nhà. Ở thời điểm này ông mới 17 tuổi, chưa đủ tuổi thành niên để được đứng tên cá nhân trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nên còn để tên bà H2 và bà L trong giấy chứng nhận. Sau này khi ông đã trưởng thành, và sau khi bà H2 chết, chồng và hai con gái của bà H2 đã căn cứ vào di nguyện của bà H2 được ghi trong chúc thư này chuyển quyền về tài sản được hưởng trong căn nhà cho cá nhân ông Đ và đã thực hiện xong việc chuyển giao quyền lợi. Riêng đối với bà L thì không giữ đúng cam kết, lời hứa trước mặt cha chuyển phần quyền sở hữu tài sản của mình trong căn nhà cho ông như cam kết trong di chúc ngày 15/3/1976 mặc dù ông đã nhiều lần mời bà L đến nhà riêng để trao đổi nhưng bà L cố tình né tránh và không thực hiện. Do có yêu cầu độc lập của bà L trong việc tranh chấp này, ông nộp đơn phản tố với hai nội dung sau:

- Đối với việc đòi quyền lợi của ông V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án không chấp nhận vì không có văn bản, chứng từ gì thể hiện

từ ông M kê khai giao quyền về tài sản cho nguyên đơn được nhận thừa kế di sản từ bà C1.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người liên quan là bà Phan Thị L vì đương sự phản bác ý chí ban đầu của mình như đã hứa trước mặt cha khi còn sống, không chịu thỏa thuận để giải quyết dứt điểm việc tranh chấp trước khi khởi kiện tại Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Phan Thị L cùng người đại diện hợp pháp là ông Đỗ Quang A T có lời khai và xác định sự việc có tranh chấp như sau:

Ông Phan Hiến V là em ruột bà, hiện đang sinh sống tại Pháp có yêu cầu được nhận di sản thừa kế từ mẹ là bà Trần Thị C1. Quá trình kê khai cha của bà là ông Phan Văn M không đề cập đến quyền lợi của ông V do đó đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi cho ông V theo quy định pháp luật.

Còn về quyền lợi của bà trong căn nhà trên, bà Phan Thị L có ý kiến như sau: Việc cha bà (ông M) đăng ký kê khai quyền sở hữu tài sản sau khi bà C1 qua đời như thế nào bà không được hay biết, cha kêu bà ký tên trong bản di chúc thì phải chấp hành. Bản thân bà chỉ biết việc ông M tặng cho phần tài sản của ông trong căn nhà có tranh chấp cho con chung với bà D1 là ông Đ, còn thủ tục như thế nào bà không biết vì đây là quyền và trách nhiệm của riêng ông cùng bà Phạm Hữu D1 trong việc tặng cho tài sản cá nhân. Sau khi bà H2 qua đời, những người hưởng di sản thừa kế của bà H2 (chồng và hai người con) đã tặng cho bị đơn toàn bộ quyền về tài sản của mình cho ông Đ, bà không có ý kiến gì. Riêng phần quyền lợi của bà được hưởng ngang quyền lợi của bà H2 và bản thân bà không có ý nguyện tặng cho ai nên đề nghị được nhận quyền lợi trong căn nhà bằng 1/8 giá trị quyền sử dụng đất trong căn nhà như trình bày trong đơn yêu cầu độc lập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 1399/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

I/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất tại nhà số E T, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vì thời hiệu khởi kiện về loại tranh chấp này đã hết và quyền về tài sản của người để lại di sản thừa kế không còn.

II/Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ về việc công nhận hiệu lực của bản chúc thư do ông Phan Văn M lập ngày 15/8/1978 về việc công nhận quyền sở hữu tài sản cho bị đơn và ghi nhận việc hoán đổi tài sản thông qua hợp đồng cộng chứng về việc tặng cho tài sản được lập tại Văn phòng C3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

III/Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L về việc “tranh chấp chia tài sản chung”:

Bà Phan Thị L được hưởng 1/8 giá trị quyền sử dụng đất tại căn nhà số E T, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Giá trị phần chia sẽ được xác định theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm thi hành án do Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi bà Phan Thị L được nhận đủ quyền lợi của mình trong căn nhà số E T, Phường F, Quận C, ông Phan Hữu Tấn Đ được quyền tiến hành kê khai, nộp thuế theo quy định để được xác lập chủ quyền cá nhân tại nhà đất trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 05/9/2022 nguyên đơn ông Phan Hiến V (có ông Lê Nguyễn Quốc C là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm;
- Ngày 17/9/2022 bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm;
- Ngày 08/9/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 4465/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phan Hiến V (có ông Lê Nguyễn Quốc C là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ (có bà Hoàng Thị H là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 4465/QĐ-VKS-DS ngày 08/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Việc khởi kiện của ông V là còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015. Vì thời hiệu khởi kiện là 30 năm tính từ ngày 01/9/1990, tính đến thời điểm ông V nộp đơn khởi kiện là 25 năm. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, không có bên đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Sau khi bà C1 chết, ông M kê khai di sản thừa kế bà C1 thì đã bỏ sót ông V là ảnh hưởng quyền lợi ông V, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông V cho ông V được hưởng 1/8 giá trị nhà đất tại số E T. Do kết quả định giá đã lâu và đương sự không có khả năng chi trả nên đề nghị giao tài sản cho cơ quan thi hành án để phân chia.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Ông V đã xác định người bị kiện không chính xác vì ông Đ không phải là bị đơn trong vụ án này. Khi bà C1 mất thì ông Đ chưa được sinh ra, việc kê khai di sản thừa kế của bà C1 không phải do ông Đ thực hiện, nên ông V khởi kiện ông Đ là chưa chính xác. Đối với yêu cầu nguyên đơn về việc buộc bị đơn giao tài sản cho cơ quan thi hành án là ảnh hưởng quyền sở hữu cá nhân, đây là vụ án chia thừa kế không

phải là đòi tài sản. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông V ủy quyền cho người đại diện, nhưng thời hạn ủy quyền chỉ có 05 năm. Trong khi đó vụ án đã được giải quyết trong thời gian dài, qua nhiều phiên tòa diễn ra mà Tòa án cấp sơ thẩm vẫn mời ông C tham gia tố tụng là không chính xác,

Người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày: Ông Đ yêu cầu xác định chúc thư 1978 là hợp đồng tặng cho, trong đó thể hiện bà L đã tặng cho phần thừa kế cho ông Đ là không có căn cứ. Vì ông M có tất cả 05 bản di chúc, bản di chúc 1978 là bản di chúc đầu tiên và 04 bản di chúc sau này đã hết hiệu lực từ ngày 25/6/2018 khi ông M, bà D1 ký hợp đồng tặng cho nhà cho ông Đ.

Về hình thức thì bản chúc thư 1978 không phải là hợp đồng tặng cho, không thỏa mãn quy định pháp luật. Về nội dung: Bà L chưa được xác lập quyền sở hữu hợp pháp đối với căn nhà số E T tại thời điểm năm 1978, nên không thể có tài sản để tặng cho ông Đ.

Ngày 14/7/2008 ông Đ có đơn đề nghị cấp quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân Quận C2, trong đơn này ông Đ đề nghị có 02 người đồng thừa kế là bà H2, bà L. Ủy ban nhân dân Quận C2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402/2008/GCN đồng sở hữu gồm 03 người ông Đ, bà L, bà H2. Do đó, bà L yêu cầu ông Đ chia tài sản chung là có căn cứ, Căn nhà hiện đang cho thuê, nhưng bà L không yêu cầu ông Đ chia phần tiền thuê nhà. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bà L. Nếu ông Đ chậm thi hành án thì đề nghị tuyên cho bà L được quyền chuyển nhượng cho người khác, để được hưởng quyền lợi của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Quyết định kháng nghị xác định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn vẫn còn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu được chia thừa kế của ông V: Các bên đương sự thống nhất tài sản là của cụ C1, cụ M để lại, nên yêu cầu của ông V về việc đề nghị được hưởng một phần thừa kế là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Nguyên đơn ông Phan Hiến V trình bày: Căn nhà số E T (trước đây là đường Đ), Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ bà Rapp M1 bán cho ông Phan Văn M theo tờ đoạn mãi ngày 01/7/1955, có chứng nhận của Phòng Chứng khế Saigon ngày 02/7/1955, trước bạ sang tên ngày 8/7/1955. Ông Phan Văn M mua nhà được 3 năm thì vợ cả của ông là bà Trần Thị C1 qua đời (năm 1958). Hai năm sau, ông M kết hôn với bà Phạm Hữu D1 và sinh ra ông Phan Hữu Tấn Đ (sinh năm 1961).

Quá trình kê khai để nhận di sản thừa kế của bà C1, ông Phan Văn M không kê khai tên, tuổi của ông Phan Hiến V mà chỉ khai chồng bà C1 là ông M và hai con chung gồm bà Phan Thị H2, bà Phan Thị L là các đối tượng được hưởng thừa kế di sản của bà C1, do thời điểm này ông V đã được gia đình cho đi du học tại Cộng hòa Pháp và sinh sống từ năm 1975 cho đến nay. Do đó, nguyên đơn ông Phan Hiến V có đơn khởi kiện đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung sự việc để giải quyết quyền lợi cho mình, cụ thể yêu cầu Tòa án buộc những người đang trực tiếp quản lý tài sản sau cùng phải thanh toán cho nguyên đơn 1/8 giá trị quyền sử dụng đất trong căn nhà trên. Do giá trị định giá đã lâu, không còn phù hợp nên tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Nguyễn Quốc C yêu cầu được thanh toán theo giá thị trường hiện nay, tạm tính là 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng. Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ trình bày:

Khi cha ông (Phan Văn M) còn sống, ông M có viết hai bản chúc thư ngày 30/8/1993 và ngày 11/11/1999 có xác nhận của chính quyền sở tại, cùng xác định: Phần diện tích đất 1.570m² tọa lạc tại Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trên đất có một biệt thự o mẹ ông là Phạm Hữu D1 tạo lập từ năm 1971. Phần đất và tài sản này thuộc về Phan Thị H2, Phan Thị L và Phan Hiến V. Ngược lại, bà H2, bà L và ông V không được tranh chấp thừa kế tại căn nhà số E T, Phường F, Quận C với ông.

Theo tinh thần của hai di chúc trên, ngày 13/7/2009, ông V đã mời Văn phòng C3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chứng thực hợp đồng công chứng tặng cho tài sản này, tuy nhiên lúc này bà H2 đã chết nên không tham gia được nên chỉ có mặt bà L và ông V. Sau khi nhận tặng cho phần đất trên, ông V, bà L không giữ đúng cam kết theo di nguyện của cha mà lại có tranh chấp thừa kế với ông tại căn nhà số E T, Phường F, Quận C trên.

Ngoài ra, sau đó khi bà H2 qua đời, chồng và hai con của bà H2 cũng đã lập hợp đồng tặng cho ông Đ phần quyền lợi của bà H2 trong căn nhà trên. Riêng bà L thì không thực hiện đúng cam kết theo di nguyện của cha là giao quyền về tài sản trong nhà số E T cho bị đơn, trong khi bà L đã được hưởng quyền lợi về thừa kế tại phần đất ở huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Từ đó, bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và yêu cầu độc lập của bà L.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L trình bày: Trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quyền sở hữu căn nhà số E T, Phường F, Quận C thuộc về 03 người là Phan Hữu Tấn Đ, Phan Thị H2, Phan Thị L. Sau khi bà H2 chết, phần tài sản trong căn nhà mà bà H2 được hưởng đã được chồng và hai người con của bà H2 lập hợp đồng tặng cho cho ông Phan Hữu Tấn Đ, vấn đề này bà L không có ý kiến gì. Tuy nhiên, đối với phần quyền lợi của bà được hưởng trong căn nhà trên là 1/8 giá trị quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số-3482/2008/GCN ngày 01/9/2008 do Ủy ban nhân dân Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận chia cho bà được hưởng theo quy định pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[4.1] Theo tờ đoạn mãi ngày 01/7/1955, có chứng nhận của Chương Khế Sài Gòn ngày 02/7/1955, Trước bạ ngày 08/7/1955 thể hiện nhà đất số E T có nguồn gốc của bà Rapp M1 bán cho ông Phan Văn M và bà Trần Thị C1. Như vậy, tài sản tranh chấp là di sản do bà C1 để lại. Theo quy định tại điểm b Mục 10 của Nghị Quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về thừa kế quy định: “*b) Đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990*”. Ngày 18/01/2016 nguyên đơn khởi kiện là vẫn còn thời hiệu khởi kiện thừa kế theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 (30 năm đối với bất động sản).

Năm 1958, bà Trần Thị C1 chết, ông Phan Văn M (chồng) và 02 người con của bà Trần Thị C1 là Phan Thị L và Phan Thị H2 đã thực hiện trước bạ ngày 01/01/1993 tại Cơ quan thuế, nhưng đã bỏ sót ông Phan Hiến V người thừa kế hàng thứ nhất của bà C1 đã ảnh hưởng đến quyền thừa kế tài sản của ông V. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông V về việc chia thừa kế đối với phần di sản của bà C1 để lại là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Ông Đ cho rằng: Ngày 13/7/2009, tại Văn phòng công chứng Long Điền tỉnh C3, ông V, bà L, bà H2 (đã chết) được ông M và bà D1 lập hợp đồng tặng cho tài sản đối với phần đất có diện tích 1.570m² tọa lạc tại Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Xét thấy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này không có liên quan gì đến nhà đất tại số E T, Phường F, Quận C đang có tranh chấp. Nội dung trong hợp đồng tặng cho này cũng không đề cập gì đến quyền lợi của bà L được hưởng tại nhà số E T.

Mặc dù, trước khi qua đời ông M có thể hiện ý chí của mình bằng các bản di chúc viết tay, tuy nhiên theo quy định của pháp luật về thừa kế không thể xem đây là bản di chúc vì thời điểm này ông M còn sống, thừa kế chưa mở nên di chúc do ông M viết chưa phát sinh hiệu lực pháp luật. Sau đó ông M cũng đã lập hợp đồng tặng cho toàn bộ phần tài sản của mình trong căn nhà 53 T cho bị đơn nên di chúc lập trước đó không còn giá trị. Hơn nữa, quyền lợi của bà L được xác lập trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Ủy ban nhân dân Quận C2 cấp cho đến thời điểm phát sinh tranh chấp thì vẫn còn tồn tại và giữ nguyên giá trị. Do đó, yêu cầu phản tố của ông Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.3] Do ông Đ là người được nhận thừa kế bằng hiện vật, nên có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế cho ông Phan Hiến V, bà Phan Thị L, mỗi kỷ phần tương đương 1/8 giá trị quyền sử dụng đất tại căn nhà có tranh chấp theo giá trị thẩm định giá tại thời điểm thi hành án.

[5] Xét kháng cáo, kháng nghị:

Theo nội dung nhận định nêu trên thì yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận; Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo nội dung nhận định nêu trên.

[7] Án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hiến V, sinh năm 1953; Ông Phan Hữu Tấn Đ, sinh năm 1961; Bà Phan Thị L, sinh năm 1943 nên được miễn theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu;

- Chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 33.810.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

I/Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Hiến V (có ông Lê Nguyễn Quốc C là đại diện theo ủy quyền), và Quyết định kháng nghị số 4465/QĐ-VKS-DS ngày 08/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ (có bà Hoàng Thị H là đại diện theo ủy quyền);

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 1399/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 662 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hiến V; Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ.

1/Xác định nhà, đất tại số E T, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Phan Văn M, bà Trần Thị C1 để lại;

2/Ông Phan Hiến V, bà Phan Thị L, mỗi người được hưởng 1/8 giá trị quyền sử dụng đất tại căn nhà số E T, Phường F (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Giá trị phân chia sẽ được xác định theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm thi hành án do Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi ông Phan Hiến V, bà Phan Thị L được nhận đủ quyền lợi của mình trong căn nhà số E T, Phường F, Quận C, ông Phan Hữu Tấn Đ được quyền tiến hành kê khai, nộp thuế theo quy định để được xác lập chủ quyền cá nhân tại nhà đất nêu trên.

3/Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hiến V, ông Phan Hữu Tấn Đ, bà Phan Thị L được miễn.

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Phan Hiến V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu số AG/2010/09895 ngày 13/01/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bị đơn ông Phan Hữu Tấn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0094803 ngày 28/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng theo biên lai thụ số AE/2011/02927 ngày 9/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4/Các chi phí định giá, ủy thác tư pháp, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này với số tiền 33.810.000 đồng, nên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền trên.

II/Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Hiến V, ông Phan Hữu Tấn Đ không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP,HCM;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (8);
- Lưu (10) 25b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu